

# NHÌN NHẬN VỀ QUYỀN KHAI THÁC VÀ SỞ HỮU TÀI NGUYÊN VŨ TRỤ CỦA QUỐC GIA DƯỚI GÓC ĐỘ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ

*Bùi Thị Hải Đăng\**  
*Nguyễn Thế Anh\*\**

**Tóm tắt:** Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 đóng vai trò là khung pháp lý quan trọng bậc nhất trong việc thăm dò, khai thác và sử dụng không gian bên ngoài Trái Đất, bao gồm cả Mặt Trăng và các thiên thể khác trong vũ trụ. Cùng với sự phát triển vượt bậc của ngành công nghệ khoa học vũ trụ, bên cạnh việc khai thác và sử dụng, nhiều quốc gia muốn xác lập quyền sở hữu đối với nguồn tài nguyên vũ trụ khai thác được nhưng điều này lại đi ngược lại với nguyên tắc của pháp luật quốc tế và có thể làm phát sinh xung đột lợi ích giữa các quốc gia. Do đó, việc tuân thủ trách nhiệm, nghĩa vụ quốc gia và thiết lập khuôn khổ pháp lý chung điều chỉnh một cách cụ thể hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên vũ trụ là cần thiết và tất yếu hiện nay, đặc biệt trong vấn đề xác lập quyền sở hữu của quốc gia.

**Từ khóa:** Tài nguyên vũ trụ, khai thác, xác lập quyền sở hữu, nguyên tắc của luật quốc tế, Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967.

**Abstract:** The 1967 Outer Space Treaty is the central legal instrument governing the exploration, exploitation and use of outer space, including the Moon and other celestial bodies in the universe. Along with the remarkable development of space science and technology, many States seek not only to exploit and use outer space, but also to establish ownership over extracted space resources; however, such claims run counter to the principles of international law and may give rise to conflicts of interest among States. Therefore, strict compliance with national responsibilities and obligations and the establishment of a general legal framework specifically regulating the exploitation and use of space resources has become necessary and inevitable today, especially with regard to the issue of establishing national ownership.

**Keywords:** Space resources; Exploitation; Ownership claims; Principles of international law; 1967 Outer Space Treaty.

## 1. Dẫn nhập

Ý tưởng cho việc khám phá thăm dò không gian vũ trụ bằng tên lửa đã được khơi

---

\* ThS.NCS., Viện Luật, Đại học Tương Đàm, Hồ Nam, Trung Quốc.

\*\* ThS., Giảng viên Khoa Luật và Khoa học chính trị, Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh. Nghiên cứu sinh, Trường tiến sĩ Luật và Khoa học chính trị, Đại học Paris Nanterre, Paris, Pháp.

gợi từ năm 1898 bởi một giáo viên người Nga tên Konstantin Tsiolkovsky (1857 – 1935). Với các đề xuất và công trình nghiên cứu khoa học được công bố trong những năm tiếp theo sau đó, ông cũng được xem là cha đẻ của ngành du hành vũ trụ hiện đại, đồng thời tạo tiền đề cho sự phát triển của hoạt động khám phá không gian vũ trụ sau

này<sup>1</sup>. Trên nền tảng thành tựu về khoa học và công nghệ vũ trụ, ngày 04/10/1957, Liên Xô (Nga) đã phóng thực nghiệm thành công vệ tinh nhân tạo (Sputnik I) quay quanh Trái Đất, đánh dấu cho bước ngoặt đầu tiên của lịch sử loài người trong việc khám phá thăm dò không gian vũ trụ<sup>2</sup>. Khi việc tiếp cận không gian trở nên dễ dàng, các quốc gia dần quan tâm hơn đến hoạt động khai thác, sử dụng và sở hữu đối với các nguồn tài nguyên vũ trụ cũng như thiết lập cơ chế pháp lý điều chỉnh.

Theo cách hiểu phổ quát, “tài nguyên vũ trụ” bao gồm tất cả các nguồn tài nguyên hữu hình và vô hình có trong không gian vũ trụ, kể cả các hành tinh hoặc tiểu hành tinh, đặc biệt đối với các nguồn tài nguyên chứa đựng bên trong Mặt Trăng, Sao Hỏa hay các dạng thực thể vũ trụ tương tự. Dưới góc nhìn của ngành khoa học không gian vũ trụ, thuật ngữ “tài nguyên vũ trụ” (*space resources*) dùng để chỉ các nguồn tài nguyên truyền thống và phi truyền thống (traditional and non-traditional resources) như nước, khí quyển, chất dễ bay hơi, chất dễ bay hơi từ gió mặt trời, kim loại, kể cả rác thải và chất thải từ phi hành đoàn, tàu đổ bộ đã qua sử dụng và chất thải còn sót lại,...; năng lượng (energy) như năng lượng ánh sáng mặt trời vĩnh viễn hoặc gần vĩnh viễn, bóng tối vĩnh viễn hoặc gần vĩnh viễn; môi trường (environment) như môi trường chân không, trọng lực vi mô hay môi trường trọng lực giảm, độ dốc nhiệt cao; vị trí

(location) như vị trí ổn định và vị trí cô lập khỏi trái đất<sup>3</sup>. Với nguồn tài nguyên đa dạng sẵn có đang tồn tại trong khoảng không vũ trụ, các quốc gia mong muốn xác lập khai thác và quyền sở hữu với các mục đích khác nhau, nhất là khi các quốc gia nhận thấy rằng “nguồn tài nguyên hiếm” trên Trái Đất đang dần cạn kiệt, thay vào đó là trữ lượng lớn nguồn tài nguyên chứa các nguyên tố hiếm cho ngành sản xuất công nghiệp có khả năng hiện diện trong các thực thể vũ trụ, đặc biệt quan trọng đối với ngành công nghiệp bán dẫn và phản ứng nhiệt hạch như: Lanthanum, cerium, neodymium, promethium, samarium, europium, holmium, erbium, thulium,...<sup>4</sup> và helium-3 có trên Mặt Trăng được xem như nguồn nguyên liệu nhiệt hạch có giá trị nhất<sup>5</sup>. Do đó, các quốc gia cường quốc về khoa học vũ trụ đã và đang đầu tư cho hoạt động khai thác và xác lập quyền chiếm hữu nguồn tài nguyên vũ trụ này, mặc dù chi phí nghiên cứu thăm dò và khai thác khá cao. Xét về tính hợp lý, bản chất và mục đích của các quốc gia khi thực hiện các hoạt động bên ngoài vũ trụ chỉ nhằm mục đích nghiên cứu khoa học và lợi ích tất yếu của quốc gia. Nhưng nhìn từ góc độ pháp luật quốc tế, hoạt động khai thác, sử dụng và sở hữu tài nguyên vũ trụ được

<sup>1</sup> National Aeronautics and Space Administration (NASA), US. *Brief History of Rockets*, [https://www.grc.nasa.gov/www/k-12/TRC/Rockets/history\\_of\\_rockets.html](https://www.grc.nasa.gov/www/k-12/TRC/Rockets/history_of_rockets.html), truy cập ngày 21/12/2024.

<sup>2</sup> National Aeronautics and Space Administration (NASA), US. *Brief History of Rockets*, tđđ.

<sup>3</sup> Gerald (Jerry) Sanders, *Presentation for the Planetary & Terrestrial Mining Sciences Symposium (PTMSS)*, National Aeronautics and Space Administration (NASA), 2015.

<sup>4</sup> M. Trigo-Rodríguez et al. (eds.), *Asteroid Mining: Mineral Resources in Undifferentiated Bodies from the Chemical Composition of Carbonaceous Chondrites*, Assessment and Mitigation of Asteroid Impact Hazards, Astrophysics and Space Science Proceedings 46, Springer International Publishing Switzerland, 46, 2017, p.78.

<sup>5</sup> Wenzhe Fa, Ya-Qiu Jin, *Quantitative estimation of helium-3 spatial distribution in the lunar regolith layer*, Icarus, Volume 190, Issue 1, 2007, p.15-23.

tiến hành bởi quốc gia hoặc bởi thực thể không mang tư cách quốc gia đang là vấn đề tranh luận khó có lời giải thuyết phục. Lý do được xuất phát từ việc giữa các quốc gia chưa thống nhất về thiết chế pháp lý quốc tế chung để xác lập quyền hoặc đang tồn tại các quy định nằm trong các thỏa thuận quốc tế đa phương nhưng vấn đề luận giải được hiểu theo những bình diện khác nhau giữa các quốc gia hoặc dựa trên ý chí đơn phương của mỗi quốc gia.

## 2. Nguyên tắc pháp lý điều chỉnh hoạt động khai thác và xác lập quyền sở hữu tài nguyên vũ trụ

Trong một khuôn khổ pháp lý nhất định, việc xác lập quyền tài phán của quốc gia đối với các nguồn tài nguyên bên ngoài Trái Đất có thể được dựa trên: (i) Quy định của pháp luật quốc tế thông qua các điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương giữa các quốc gia hoặc (ii) Quy định pháp luật nội địa do từng quốc gia thiết lập hoặc (iii) Thông lệ quốc tế được thừa nhận rộng rãi bởi cộng đồng quốc tế<sup>6</sup>.

Ở phạm vi nguyên tắc pháp luật quốc tế, cơ sở tiền đề tạo khung pháp lý cơ bản cho hoạt động khai thác tài nguyên vũ trụ là Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967<sup>7</sup> và Hiệp ước Mặt Trăng năm 1979<sup>8</sup>. Hiệp ước

Không gian vũ trụ năm 1967 được đưa ra đàm phán và ký kết ở thời kỳ cao điểm của Chiến tranh Lạnh, trong bối cảnh các mối đe dọa về sử dụng vũ khí hạt nhân ngoài vũ trụ xuất hiện ngày càng nhiều. Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 được thông qua bởi Đại hội đồng Liên hợp quốc và chính thức có hiệu lực vào ngày 10/10/1967. Với mục đích ban đầu tạo cơ sở cho sự hợp tác giữa các quốc gia và quyền tiếp cận bình đẳng với không gian vũ trụ, Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 được cộng đồng quốc tế xem như nền tảng quan trọng nhất cho tiến trình hình thành và phát triển của pháp luật quốc tế về khoảng không vũ trụ. Nội dung của Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 dựa trên các tuyên bố về những nguyên tắc pháp luật điều chỉnh hoạt động của các quốc gia trong lĩnh vực thăm dò và sử dụng khoảng không vũ trụ<sup>9</sup> và được bổ sung<sup>10</sup> bởi Hiệp định Giải cứu năm 1968<sup>11</sup>, Công ước Trách nhiệm năm 1972<sup>12</sup>, Công ước Đăng ký năm 1975<sup>13</sup> và Hiệp ước Mặt Trăng năm 1979<sup>14</sup>, các điều ước quốc tế này được xây dựng dựa trên các nghĩa vụ

Activities of States on the Moon and Other Celestial Bodies).

<sup>9</sup> Hoàng Trung Kiên, *Pháp luật về khoảng không vũ trụ - Tiếp cận từ góc độ luật học so sánh*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2009, tr.2.

<sup>10</sup> International space instruments database, <https://astro.unoosa.org/astro/en/instruments-treaties-search.html#/list>, truy cập ngày 24/11/2024.

<sup>11</sup> Agreement on the Rescue of Astronauts, the Return of Astronauts and the Return of Objects Launched into Outer Space (Rescue Agreement).

<sup>12</sup> Convention on International Liability for Damage Caused by Space Objects (Liability Convention).

<sup>13</sup> Convention on the Registration of Objects Launched into Outer Space (Registration Convention).

<sup>14</sup> Agreement Governing the Activities of States on the Moon and Other Celestial Bodies (Moon Agreement).

<sup>6</sup> Hiện tại vẫn chưa có thông lệ quốc tế cụ thể để quy chiếu và viện dẫn.

<sup>7</sup> Hiệp ước về Các nguyên tắc quản lý hoạt động của các quốc gia trong việc thăm dò và sử dụng không gian vũ trụ, bao gồm cả Mặt trăng và các thiên thể khác năm 1967 (tên gọi bằng tiếng Anh: Treaty on Principles Governing the Activities of States in the Exploration and Use of Outer Space, Including the Moon and Other Celestial Bodies, thường được biết đến với tên gọi là Outer Space Treaty).

<sup>8</sup> Thỏa thuận Quản lý hoạt động của Các quốc gia trên Mặt Trăng và Các thiên thể khác năm 1979 (tên gọi bằng tiếng Anh: Agreement Governing the

trong Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 và tính đến hết năm 2024, đã có 114 quốc gia phê chuẩn và 22 quốc gia ký kết<sup>15</sup>, bao gồm tất cả các cường quốc về không gian vũ trụ như Hoa Kỳ, Nga và Trung Quốc. Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 trao cho các quốc gia thành viên quyền pháp lý khám phá và sử dụng không gian vũ trụ, bao gồm cả Mặt Trăng và các thiên thể khác ngoài vũ trụ, sẽ được thực hiện vì lợi ích và quyền lợi của tất cả các quốc gia, bất kể mức độ phát triển kinh tế hay khoa học của các quốc gia, và sẽ thuộc về quyền và trách nhiệm của toàn thể nhân loại<sup>16</sup>. Hiểu theo nghĩa rộng, điều khoản này cho phép các quốc gia thành viên có thể sử dụng và khai thác các nguồn tài nguyên tồn tại trong khoảng không vũ trụ, song điều này phải được thực hiện dựa trên nguyên tắc vì lợi ích của tất cả các quốc gia khác bao gồm các quốc gia thành viên và không phải là thành viên của Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967. Bên cạnh đó, Điều 3 Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 yêu cầu các quốc gia thành viên khi tiến hành các hoạt động thăm dò và sử dụng không gian vũ trụ phải tuân thủ theo luật pháp quốc tế, bao gồm Hiến chương của Liên hợp quốc, vì lợi ích duy trì hòa bình, an ninh, thúc đẩy hợp tác và hiểu biết quốc tế.

“*Nguyên tắc không chiếm đoạt*”: Khi tiến hành hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên trong không gian vũ trụ, các quốc gia thành viên Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 cần phải tuân thủ “*nguyên tắc*

*không chiếm đoạt*” được ghi nhận tại Điều 2 của Hiệp ước. Theo đó, không xem không gian vũ trụ và các thực thể vũ trụ, bao gồm Mặt Trăng và các thiên thể khác, là đối tượng chịu sự chiếm hữu bởi bất kỳ quốc gia nào bằng cách tuyên bố chủ quyền, thông qua việc sử dụng hoặc chiếm đoạt, hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào khác, kể cả các thực thể không phải là quốc gia như các doanh nghiệp tiến hành hoạt động khai thác trong không gian vũ trụ<sup>17</sup>. Tuy nhiên, dưới các quan điểm luận giải khác nhau, nội dung quy định tại Điều 2 Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 có thể được diễn giải theo cách hiểu độc lập giữa việc chiếm hữu hoàn toàn một thiên thể và sự chiếm hữu các nguồn tài nguyên chứa trên thiên thể đó<sup>18</sup>. Nếu hai cách chiếm hữu này được xem là khác biệt, “*nguyên tắc không chiếm đoạt*” sẽ chỉ áp dụng đối với một thiên thể như một tổng thể mà không ngăn cấm việc khai thác và chiếm hữu của quốc gia đối với nguồn tài nguyên có trên thiên thể đó. Nếu “*nguyên tắc không chiếm đoạt*” được lý giải theo cách hiểu này nhận được sự đồng thuận bởi nhiều quốc gia thì sẽ có tác động đáng kể đến quá trình lập pháp cho phép khai thác và sở hữu tài nguyên vũ trụ vì mục đích khoa học và thương mại. Bên cạnh Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967, “*nguyên tắc không chiếm đoạt*” được tiếp tục khẳng định lại trong Hiệp ước Mặt

<sup>15</sup> United Nations Office for Outer Space Affairs, <https://www.unoosa.org/oosa/en/ourwork/spacelaw/treaties/status/index.html>, truy cập ngày 26/12/2024.

<sup>16</sup> Điều 1 Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967.

<sup>17</sup> Mahulena Hofmann, Federico Bergamasco, *Space resources activities from the perspective of sustainability: legal aspects*, Cambridge University Press, 3, 2020, p.2-3.

<sup>18</sup> Abigail Pershing, *Interpreting the Outer Space Treaty's Non-Appropriation Principle: Customary International Law from 1967 to Today*. Yale Journal of International Law, 44, 2019, p.151-153.

Trăng năm 1979<sup>19</sup>, được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua năm 1979 trong mục đích quy định chi tiết một số nguyên tắc về không gian vũ trụ liên quan đến Mặt Trăng và các thiên thể khác. Hiệp ước Mặt Trăng năm 1979 được thiết lập nhằm thúc đẩy hợp tác quốc tế, bao gồm các quy định trợ giúp thăm dò Mặt Trăng, thiết lập trạm không gian vũ trụ trên mặt trăng và bảo vệ môi trường của Mặt Trăng, song Hiệp ước không cho phép các quốc gia: (i) Sử dụng Mặt Trăng để tiến hành bất kỳ hành động nào đe dọa đến Trái Đất; (ii) Kiểm soát hoặc tuyên bố chủ quyền hoặc sở hữu Mặt Trăng. Hiệp ước không trao quyền xác lập việc chiếm hữu bất kỳ một phần nào của Mặt Trăng sẽ trở thành tài sản của bất kỳ quốc gia, tổ chức hoặc của bất kỳ cá nhân nào. Mặt Trăng và nguồn tài nguyên thiên nhiên trên Mặt Trăng được tuyên bố như là di sản chung của nhân loại<sup>20</sup>, các quốc gia thành viên có quyền thiết lập một cơ chế pháp lý quốc tế chung để điều chỉnh việc khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên trên Mặt Trăng<sup>21</sup>. Cơ chế pháp lý quốc tế chung cho phép các quốc gia phát triển có trật tự và an toàn các tài nguyên thiên nhiên của Mặt Trăng; quản lý hợp lý các nguồn tài nguyên có trên Mặt Trăng và mở rộng các cơ hội trong việc sử dụng các tài nguyên đó<sup>22</sup>. Đặc biệt là cơ chế chia sẻ công bằng của tất cả các quốc gia tham gia vào Hiệp ước đối với các lợi ích thu được từ các

nguồn tài nguyên có trên Mặt Trăng, theo đó lợi ích và nhu cầu của các nước đang phát triển, cũng như những nỗ lực của các quốc gia đã đóng góp trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc thăm dò Mặt Trăng, sẽ được xem xét theo cơ chế đặc biệt<sup>23</sup>. Dựa trên tinh thần quy định này, các quốc gia đóng góp trực tiếp hoặc gián tiếp vào công việc khai thác Mặt Trăng dù sự đóng góp ở mức độ nào cũng cần nhận được sự chia sẻ lợi ích từ các cường quốc đã khai thác được tài nguyên trên Mặt Trăng. Tuy nhiên, trách nhiệm và việc hợp tác chia sẻ thông tin tự nguyện giữa các quốc gia theo quy định của Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 và Hiệp ước Mặt Trăng năm 1979 được nhìn nhận là “bất khả thi”, khi gần như các quốc gia đã tiếp cận được nguồn tài nguyên từ Mặt Trăng (chẳng hạn với các cường quốc về không gian vũ trụ như: Hoa Kỳ, Nga, Ấn Độ hay Trung Quốc<sup>24</sup>) không thật sự sẵn sàng công bố chi tiết và chia sẻ các thông tin họ đang nắm giữ với các quốc gia khác. Thêm vào đó, khi lợi ích của một quốc gia được đặt trên lợi ích chung của cộng đồng quốc tế, việc thực thi nghĩa vụ chia sẻ thông tin dữ liệu và lợi ích với các quốc gia thành viên khác còn là vấn đề tranh luận và chưa thật sự có câu trả lời thỏa đáng<sup>25</sup>.

*“Nguyên tắc đảm bảo thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm quốc gia trong hoạt động*

<sup>19</sup> Khoản 02 Điều 11 Hiệp ước Mặt Trăng năm 1979: “Mặt trăng không phải là đối tượng của việc chiếm đoạt quốc gia thông qua bất kỳ yêu sách chủ quyền nào, thông qua việc sử dụng hoặc chiếm đóng, hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào khác”.

<sup>20</sup> Khoản 01 Điều 11 Hiệp ước Mặt Trăng năm 1979.

<sup>21</sup> Khoản 05 Điều 11 Hiệp ước Mặt Trăng năm 1979.

<sup>22</sup> Khoản 07 Điều 11 Hiệp ước Mặt Trăng năm 1979.

<sup>23</sup> Điểm d khoản 07 Điều 11 Hiệp ước Mặt Trăng năm 1979.

<sup>24</sup> Theo thống kê của Statista, hiện nay các quốc gia đã hiện diện trên Mặt Trăng chỉ có: Hoa Kỳ, Nga (Liên Xô cũ), Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, EU và 3 nước Luxembourg, Hàn Quốc, Italy đi cùng tàu vũ trụ với Hoa Kỳ và Trung Quốc, <https://www.statista.com/chart/18749/missions-to-the-moon-by-country/>, truy cập ngày 03/01/2025.

<sup>25</sup> Điều 7 Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967.

*sử dụng và khai thác không gian vũ trụ*”: Trong hầu hết các điều ước quốc tế song phương hoặc đa phương đều dành ra một hoặc một số điều khoản quy định ràng buộc nghĩa vụ và trách nhiệm của quốc gia thành viên trong việc thực thi nội dung của điều ước quốc tế. Các điều khoản này góp phần điều chỉnh hành vi của quốc gia theo ý chí chung đã được đồng thuận thiết lập. Tại Điều 6 Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 yêu cầu các quốc gia thành viên sẽ chịu trách nhiệm quốc tế đối với các hoạt động thăm dò không gian vũ trụ, bao gồm Mặt Trăng và các thiên thể khác. Các hoạt động thăm dò và khai thác tài nguyên không gian vũ trụ được thực hiện bởi các cơ quan Chính phủ hay các tổ chức phi chính phủ hoặc thực thể khác thuộc quốc gia thì các quốc gia thành viên đều phải có trách nhiệm giám sát và chịu trách nhiệm đối với các hệ quả phát sinh từ hoạt động khai thác tài nguyên vũ trụ. Ngoài ra, Điều 9 Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 cũng đề nghị các quốc gia phải quan tâm đúng mức đến các lợi ích tương ứng của các quốc gia khác. Ngoài quy định chung đã thiết lập, trong bối cảnh hiện nay đòi hỏi cần phải xem xét hoạt động của một quốc gia liệu có gây ra ảnh hưởng đến các hoạt động không gian của các quốc gia khác<sup>26</sup> và cần thiết trong một khoản chuẩn mực nhất định, các quốc gia thành viên phải có trách nhiệm tiến hành thủ tục tham vấn trước khi thực hiện bất kỳ hoạt động thăm dò không gian nào có thể tạo ra “sự can thiệp có hại” đối với các hoạt động

<sup>26</sup> Xu Yingxie, *Nghiên cứu các vấn đề pháp lý trong việc phát triển tài nguyên ngoài vũ trụ*, Đại học Chính Pháp Hoa Đông, 2021, tr.44-48. (Nguyên văn tên tiếng Trung: 徐颖颢.“外层空间资源开发的法律问题研究”, 华东政法大学, 2021, 页44-48.)

của các quốc gia khác<sup>27</sup>. Mặc dù, trên thực tế việc tham vấn này hiếm khi diễn ra, nhưng có thể tạo ra tiền lệ tốt trong pháp luật quốc tế về hoạt động khai thác tài nguyên vũ trụ, tăng cường trao đổi thông tin hữu ích. Xét về tính tích cực, nội dung của Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 và Hiệp ước Mặt Trăng năm 1979 đã thật sự dung hòa lợi ích và đảm bảo công bằng cho các quốc gia, bất kể sự chênh lệch khoa học kỹ thuật đều có khả năng tiếp cận nguồn tài nguyên trong không gian vũ trụ, nhưng không đồng nghĩa cho phép xác lập quyền sở hữu của quốc gia đối với nguồn tài nguyên vũ trụ.

“*Nguyên tắc thụ đắc lãnh thổ*”: Nhìn nhận trong phương diện luật quốc tế hiện đại, các quốc gia có thể xác lập chủ quyền dựa trên nguyên tắc “*thụ đắc lãnh thổ*” thông qua hình thức nhận chuyển nhượng hoặc trên cơ sở sự hình thành của vùng lãnh thổ mới hoặc chiếm hữu lãnh thổ. “*Thụ đắc lãnh thổ*” là nguyên tắc pháp lý cốt lõi được thừa nhận trong việc xác lập chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ, đặc biệt thông qua hình thức chiếm hữu. Chiếm hữu lãnh thổ được định nghĩa là việc thụ đắc đối với vùng lãnh thổ vô chủ (“*Terra nullius*” hay “*Territory without a master*”<sup>28</sup>), tại thời điểm thụ đắc thì vùng lãnh thổ này không

<sup>27</sup> Ma Xinmin, *Phát triển Luật ngoài không gian: khuôn khổ, mục tiêu và phương hướng*, Tạp chí Nghiên cứu Luật quốc tế Trung Quốc, 2015, 12, tr.26-28. (Nguyên văn tên tiếng Trung: 马新民.“外层空间法的发展:框架,目标与方向”, 国际法研究, 2015, 页26-28.)

<sup>28</sup> Legal Information Institute, Cornell Law School, *Terra nullius*, 04/2022, [https://www.law.cornell.edu/wex/terra\\_nullius#:~:text=Terra%20nullius%20is%20a%20term,is%20not%20owned%20by%20anyone.,](https://www.law.cornell.edu/wex/terra_nullius#:~:text=Terra%20nullius%20is%20a%20term,is%20not%20owned%20by%20anyone.,) truy cập ngày 26/02/2025.

thuộc chủ quyền của bất kỳ quốc gia nào. Hoặc, thậm chí đối với phần lãnh thổ đã từng thuộc quyền tài phán của một quốc gia nhưng sau đó phần lãnh thổ này lại bị từ bỏ (*Res derelictae*<sup>29</sup>) bởi chính quốc gia đó thì việc thụ đắc lãnh thổ thông qua việc chiếm hữu cũng được xem là phù hợp với luật quốc tế. Nếu xem Mặt Trăng và các thực thể khác ngoài không gian vũ trụ là các dạng cấu trúc tương tự với Trái Đất, về lý thuyết các quốc gia có quyền xác lập chủ quyền quốc gia đối với vùng lãnh thổ mà quốc gia đó phát hiện hoặc khám phá ra được, từ đó quốc gia có quyền tuyên bố chủ quyền và xác lập quyền sở hữu đối với phần lãnh thổ. Việc vận dụng nguyên tắc “*thụ đắc lãnh thổ*” để xác lập quyền tài phán của quốc gia trong trường hợp này được nhìn nhận có tính lô-gíc, nhưng nếu chấp nhận áp dụng nguyên tắc này sẽ tạo nên sự bất bình đẳng và thiên hướng về lợi ích cho các quốc gia được xem là cường quốc về không gian vũ trụ. Đối với các quốc gia không có đủ khả năng công nghệ và kỹ thuật để tiếp cận không gian, nguyên tắc “*thụ đắc lãnh thổ*” thông qua hình thức chiếm hữu đối với các vùng lãnh thổ ngoài vũ trụ sẽ bị hạn chế và không mang tính khả thi.

“*Nguyên tắc quyền tài phán của quốc gia*”: Ở khía cạnh pháp luật quốc gia, về nguyên tắc chung, quyền ban hành luật điều chỉnh các mối quan hệ xã hội phát sinh thuộc quyền đương nhiên của một quốc gia và hiệu lực của việc xác lập quyền nằm trong phạm vi lãnh thổ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác thuộc quyền tài phán hoặc đồng ý chấp nhận quyền tài phán của quốc gia. Một cách hiển nhiên, quốc gia có quyền

đưa ra quy định nội địa điều chỉnh hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng và tự xác lập quyền sở hữu tài nguyên vũ trụ. Điển hình, Hoa Kỳ là quốc gia đầu tiên trên thế giới cho phép xác lập quyền sở hữu tư nhân đối với tài nguyên ngoài không gian thông qua luật quốc gia dựa trên Đạo luật Khai thác và sử dụng tài nguyên vũ trụ được Quốc hội Hoa Kỳ ban hành vào năm 2015 (*Space Resource Exploration and Utilization Act of 2015*)<sup>30</sup>. Tương đồng trong cách tiếp cận với pháp luật Hoa Kỳ, Luxembourg cũng trở thành quốc gia thứ hai cho phép việc thăm dò, sử dụng và sở hữu các nguồn tài nguyên trong vũ trụ. Đạo luật Thăm dò và sử dụng các nguồn tài nguyên trong vũ trụ được thông qua vào ngày 20/07/2017 của Luxembourg (*Law on the Exploration and Utilization of Space Resources*) đã cụ thể hóa quyền sở hữu đối với nguồn tài nguyên vũ trụ tại điều đầu tiên của Đạo luật: “*Tài nguyên vũ trụ có thể được sở hữu*”<sup>31</sup>. Quyền sở hữu tài nguyên vũ trụ theo Đạo luật Thăm dò và sử dụng các nguồn tài nguyên trong vũ trụ năm 2017 được xác lập dành cho các doanh nghiệp tư nhân của Luxembourg<sup>32</sup> và để được quyền

<sup>30</sup> Quốc hội Hoa Kỳ, *Đạo luật Khai thác và Sử dụng tài nguyên vũ trụ năm 2015*, [https://www.google.com/search?q=congress+of+us&dq=congress+of+us&gs\\_lcrp=EgZjaHJvbWUyBggAEEUYOTIPCAEQ LhgTGMcBGNEDGIAEMgkIAhAAGBMYgAQyCggDEAAyExgWGB4yCggEEAAyExgWGB4yCggFEAAyExgWGB4yCggGEAAyExgWGB4yCggHEAAyExgWGB4yCggIEAAyExgWGB7SAQk3MDI wajBqMTWoAgiwAgHxBUyKUXV9X6XI&sourceid=chrome&ie=UTF-8](https://www.google.com/search?q=congress+of+us&dq=congress+of+us&gs_lcrp=EgZjaHJvbWUyBggAEEUYOTIPCAEQ LhgTGMcBGNEDGIAEMgkIAhAAGBMYgAQyCggDEAAyExgWGB4yCggEEAAyExgWGB4yCggFEAAyExgWGB4yCggGEAAyExgWGB4yCggHEAAyExgWGB4yCggIEAAyExgWGB7SAQk3MDI wajBqMTWoAgiwAgHxBUyKUXV9X6XI&sourceid=chrome&ie=UTF-8), truy cập ngày 16/02/2025.

<sup>31</sup> Article 01, Law on the Exploration and Utilization of Space Resources 2017: “*Space resources are capable of being owned*”.

<sup>32</sup> Điều 08 Đạo luật Thăm dò và sử dụng các nguồn tài nguyên trong vũ trụ được thông qua năm 2017 của Luxembourg.

<sup>29</sup> Xem thêm “*Res derelictae*” trong Luật La Mã.

khai thác, sở hữu tài nguyên vũ trụ thì cần có sự cho phép bằng văn bản của Bộ trưởng hoặc các Bộ trưởng phụ trách kinh tế và hoạt động vũ trụ của Luxembourg<sup>33</sup>. Cộng hòa Pháp cũng là một trong các quốc gia sớm thừa nhận và cho phép tiến hành thực hiện các hoạt động thăm dò và khai thác vũ trụ thông qua Đạo luật số 2008-518 ngày 03/06/2008 về hoạt động vũ trụ, nhưng việc cho phép sở hữu tư nhân đối với các nguồn tài nguyên vũ trụ chỉ được công nhận tại Pháp từ năm 2021 khi Pháp ký tham gia trở thành thành viên Hiệp ước Artemis năm 2020 và được cụ thể hóa theo Đạo luật số 2023-703 ngày 01/08/2023 của Pháp<sup>34</sup>. Ở khu vực châu Á Thái Bình Dương, trên cơ sở Luật Tài nguyên không gian năm 2021 đã được thông qua, Chính phủ Nhật Bản cho phép cá nhân hoặc công ty tư nhân có quyền sở hữu tài nguyên vũ trụ khai thác được, nhưng không được gây ra bất kỳ ảnh hưởng nào đến an toàn trong hoạt động không gian vũ trụ, việc thực thi hay vi phạm nguyên tắc của luật quốc tế và phải nhận được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền<sup>35</sup>. Thông qua tiến trình nội luật hóa pháp luật quốc gia, có thể nhận thấy rõ, ngoài quyền thăm dò và khai thác, các quốc gia đã và đang mong muốn xác lập thêm quyền sở hữu đối với nguồn tài

nguyên vũ trụ. Nếu đặt vấn đề dưới góc độ so sánh giữa pháp luật quốc gia và nguyên tắc chung của luật quốc tế, việc thiết lập quyền sở hữu tài nguyên vũ trụ không phù hợp với luật quốc tế và có khả năng tạo ra xung đột quyền giữa các quốc gia<sup>36</sup>. Song không thể phủ nhận rằng, quyền lập pháp đương nhiên của một quốc gia trong các lĩnh vực khoa học và đời sống xã hội, hơn nữa xu hướng luật hóa quy định quốc gia điều chỉnh các hoạt động không gian vũ trụ hiện nay đang dần phổ biến.

*Pháp luật Việt Nam trong hoạt động khai thác và xác lập quyền sở hữu tài nguyên vũ trụ:* Với tư cách là một trong các quốc gia thành viên của Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967<sup>37</sup>, Việt Nam rất tích cực tham gia các chương trình hợp tác quốc tế liên quan đến hoạt động của con người ngoài vũ trụ. Chẳng hạn, Việt Nam cùng với Nga, Ấn Độ, Israel, Hoa Kỳ đã ký kết các bản ghi nhớ về nghiên cứu và khai thác không gian vũ trụ vì mục đích hòa bình vào các năm 2012, 2016, 2017 và 2019<sup>38</sup>, đặc biệt là việc đàm phán “Hiệp định khung giữa Việt Nam và Hoa Kỳ về hợp tác trong sử dụng khoảng không vũ trụ vì mục đích hòa bình” năm 2017 đã góp phần thúc đẩy việc hợp tác giữa hai quốc gia trong hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên

<sup>33</sup> Khoản 01 Điều 02 Đạo luật Thăm dò và sử dụng các nguồn tài nguyên trong vũ trụ được thông qua năm 2017 của Luxembourg, [https://space-agency.public.lu/en/agency/legal-framework/law\\_space\\_resources\\_english\\_translation.html](https://space-agency.public.lu/en/agency/legal-framework/law_space_resources_english_translation.html), truy cập ngày 16/02/2025.

<sup>34</sup> Xem thêm tại <https://www.legifrance.gouv.fr/loda/id/JORFTEXT000018931380>, truy cập ngày 19/02/2025.

<sup>35</sup> Japan Space Law Association, *Space Resources Act 2021*, <https://japan-space-law-association.org/en/764/>, truy cập ngày 07/01/2025.

<sup>36</sup> Sẽ được đề cập cụ thể tại Mục 3.

<sup>37</sup> Thống kê của Liên hợp quốc về các quốc gia thành viên của Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 [https://treaties.unoda.org/t/outer\\_space/participants](https://treaties.unoda.org/t/outer_space/participants), truy cập ngày 02/12/2024.

<sup>38</sup> Nguyễn Việt Lâm, *Vấn đề không gian vũ trụ trong quan hệ quốc tế và hàm ý chính sách đối với Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản, 20/8/2022, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/825760/van-de-khong-gian-vu-tru-trong-quan-he-quoc-te-va-ham-y-chinh-sach-voi-viet-nam.aspx>, truy cập ngày 26/12/2024.

không gian vũ trụ<sup>39</sup>. Đối với các hoạt động của Ủy ban của Liên hợp quốc về sử dụng không gian vì mục đích hòa bình (*United Nations Committee on the Peaceful Uses of Outer Space – COPUOS*), Việt Nam với vai trò quốc gia thành viên luôn tích cực đóng góp ý kiến và tham gia trong các chương trình nghị sự chung. Trong vấn đề lập pháp, Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã đưa ra các chủ trương và chiến lược thúc đẩy hoạt động nghiên cứu không gian vũ trụ, cụ thể “*Chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ vũ trụ đến năm 2030*” được ban hành theo Quyết định số 169/QĐ-TTg ngày 04/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ đánh dấu bước tiến quan trọng cho sự đầu tư của Việt Nam trong các hoạt động ngoài không gian, với mục tiêu trọng tâm là hoàn thành đầu tư dự án Trung tâm Vũ trụ Việt Nam; đầu tư nâng cấp các phòng thí nghiệm chuyên sâu phục vụ nghiên cứu về vũ trụ; nâng cao năng lực nghiên cứu chế tạo vệ tinh hoạt động trong vũ trụ<sup>40</sup>; triển khai thành lập Ủy ban Vũ trụ Quốc gia<sup>41</sup>. Tuy nhiên, hiện tại Việt Nam vẫn chưa có một đạo luật cụ thể điều chỉnh mang tính chuyên biệt đối với hoạt động khai thác tài nguyên

vũ trụ, đặc biệt trong vấn đề xác lập quyền sở hữu đối với nguồn tài nguyên vũ trụ. Nhưng, chúng ta có thể vận dụng các nguyên tắc cơ bản của điều ước quốc tế mà Việt Nam là quốc gia thành viên và nguyên tắc suy luận lô-gíc dựa trên các quy định cốt lõi nằm trong các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện hành, để từ đó làm cơ sở pháp lý và lý luận cho việc luận giải vấn đề liên quan đến quyền khai thác và sử dụng của Việt Nam đối với các nguồn tài nguyên vũ trụ phù hợp với tinh thần chung của pháp luật quốc tế. Còn trong vấn đề xác lập quyền sở hữu thì cần được đánh giá và xem xét lại dựa trên các khía cạnh tác động.

### **3. Sự xuất hiện của Hiệp ước Artemis năm 2020 và vấn đề xung đột lợi ích giữa các quốc gia liên quan đến hoạt động khai thác và xác lập quyền sở hữu tài nguyên vũ trụ**

Khoa học và công nghệ của thời đại cách mạng 4.0 là nhân tố quan trọng góp phần thúc đẩy và định hình các hoạt động nghiên cứu thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên vũ trụ của các quốc gia. Phần lớn các hoạt động đều hướng đến việc thăm dò, đưa con người lên Mặt Trăng, khai thác và sử dụng tài nguyên trên bề mặt Mặt Trăng và các thực thể tương tự ngoài không gian. Với tiềm năng vô tận trong không gian vũ trụ, đang tồn tại các dạng thực thể tương tự với Trái Đất, các quốc gia được xem là cường quốc về không gian vũ trụ muốn tận dụng lợi thế của quốc gia, kêu gọi xây dựng khung pháp lý quốc tế đa phương để khắc phục những nội dung được xem là hạn chế của các điều ước quốc tế trước đó<sup>42</sup>. Chính

<sup>39</sup> Bộ Quốc phòng Việt Nam, *Thúc đẩy hợp tác trong thăm dò, khai thác, sử dụng không gian vũ trụ vì mục đích hòa bình giữa Việt Nam và Hoa Kỳ*, 20/9/2017, <https://mod.gov.vn/vn/chi-tiet/sa-ttsk/sa-tt-tn/9382b0d1-71db-490a-b03b-ad446e34df20>, truy cập ngày 28/12/2024.

<sup>40</sup> Bộ Quốc phòng Việt Nam, *Chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ vũ trụ đến năm 2030*, 19/02/2021, <https://mod.gov.vn/vn/chi-tiet/sa-ttsk/sa-tt-tn/8a6655e4-ee02-483f-bf08-e308df221649>, truy cập ngày 06/01/2025.

<sup>41</sup> Minh Hạnh, *Việt Nam sẽ có Ủy ban Vũ trụ quốc gia*, 20/01/2024, <https://laodong.vn/cong-nghe/viet-nam-se-co-uy-ban-vu-tru-quoc-gia-1296593.ldo>, truy cập ngày 06/01/2025.

<sup>42</sup> Duan Xin, *Nghiên cứu các vấn đề pháp lý quốc tế trong việc phát triển tài nguyên ngoài vũ trụ*, Đại học Vũ Hán, 2023, tr.121-122. (Nguyên văn tên

phủ Hoa Kỳ, Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Hoa Kỳ hay Cơ quan Hàng không và Không gian Hoa Kỳ (*National Aeronautics and Space Administration – NASA*) cùng một số quốc gia khác<sup>43</sup> đã công bố Hiệp ước Artemis vào ngày 13/10/2020, tính đến năm 2025 đã có 53 quốc gia tham gia ký kết trở thành thành viên<sup>44</sup>. Hiệp ước Artemis dựa trên Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967, nhằm tạo ra một môi trường an toàn và minh bạch cho các hoạt động khám phá, khai thác tài nguyên không gian vũ trụ<sup>45</sup>, các nguyên tắc liên quan đến khai thác và sử dụng tài nguyên vũ trụ của Hiệp ước Artemis yêu cầu các quốc gia thành viên sử dụng kinh nghiệm của chính các quốc gia để đóng góp vào việc phát triển các quy định quốc tế áp dụng cho việc khai thác và sử dụng tài nguyên vũ trụ. Ngoài mục tiêu tìm cách thúc đẩy sự phát triển của pháp luật không gian vũ trụ, Hiệp ước Artemis cũng điều chỉnh hoạt động khai thác tài nguyên vũ trụ vì mục đích thương mại, tức cho phép

thực hiện các giao dịch mua bán đối tượng là tài nguyên được khai thác từ không gian vũ trụ<sup>46</sup>. Hiệp ước Artemis cho phép NASA ký hợp đồng dự án với các công ty tư nhân<sup>47</sup> để khai thác một lượng nhỏ “lớp đất mặt” Mặt Trăng (*regolith*)<sup>48</sup>, hệ quả hoạt động từ các dự án này được xem như thực tiễn để kiểm chứng tính khả thi của Hiệp ước Artemis.

“*Xung đột lợi ích giữa các quốc gia phát sinh từ Hiệp ước Artemis năm 2020*”: Hiệp ước Artemis đã tạo cơ sở pháp lý để xác định quyền sở hữu tư nhân và quyền khai thác tài nguyên không gian vũ trụ nhưng cũng đồng thời tạo ra sự xung đột lợi ích giữa các quốc gia và vi phạm nguyên tắc của luật quốc tế. Điều đó được lý giải bởi Hiệp ước Artemis công nhận quyền sở hữu tư nhân đối với tài nguyên vũ trụ đã vi phạm “nguyên tắc không chiếm đoạt” trong Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967. Hơn nữa, về mặt thực tiễn, các quy định nằm trong khuôn khổ pháp lý được đặt ra bởi Hiệp ước Artemis không nhận được sự ủng hộ của một số quốc gia cường quốc về không gian vũ trụ như Nga và Trung Quốc, khi cả hai quốc gia này không tham gia Hiệp ước Artemis. Bởi suy cho cùng, các quy định nằm trong Hiệp ước Artemis mang thiên hướng phục vụ cho lợi ích của nhóm quốc gia nhất định. Để phản ứng lại cho sự

tiếng Trung: 段欣."外空资源开发的国际法问题研究", 武汉大学, 2023, 页121-122.)

<sup>43</sup> Bao gồm các quốc gia: Anh, Canada, Australia, Nhật Bản, Italia, Luxembourg và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất.

<sup>44</sup> Chính phủ Hoa Kỳ, *Hiệp ước Artemis năm 2020*, <https://www.state.gov/bureau-of-oceans-and-international-environmental-and-scientific-affairs/artemis-accords>, truy cập ngày 18/02/2025.

<sup>45</sup> Tính đến năm 2024, các quốc gia tham gia Hiệp ước Artemis bao gồm: Angola, Argentina, Armenia, Australia, Bahrain, Bỉ, Brazil, Bulgaria, Canada, Chile, Colombia, Cyprus, Czech, Đan Mạch, Dominica, Ecuador, Estonia, Pháp, Đức, Hy Lạp, Iceland, Ấn Độ, Israel, Ý, Nhật Bản, Lithuania, Luxembourg, Mexico, Hà Lan, New Zealand, Nigeria, Peru, Ba Lan, Hàn Quốc, Romania, Rwanda, Ả Rập Saudi, Singapore, Slovakia, Slovenia, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Ukraina, Hoa Kỳ, Các tiểu vương quốc Ả Rập, Anh và Uruguay.

<sup>46</sup> Cơ quan Hàng không và Vũ trụ Hoa Kỳ, <https://www.nasa.gov/news-release/nasa-selects-companies-to-collect-lunar-resources-for-artemis-demonstrations/>, truy cập ngày 05/01/2025.

<sup>47</sup> Bao gồm: Lunar Outpost, Ispace Japan, Ispace Europe và Masten Space Systems.

<sup>48</sup> Melissa de Zwart, Stacey Henderson, Michelle Neumann, *Space resource activities and the evolution of international space law*, *Acta Astronautica*, 2023, 211, p.157-158.

suy đoán vi phạm nguyên tắc của luật quốc tế, các quốc gia thành viên của Hiệp ước Artemis đồng thuận chung với việc viện dẫn: (i) Nguyên tắc không chiếm đoạt chỉ áp dụng cho chủ thể là Nhà nước hay Chính phủ nhân danh một quốc gia chứ không áp dụng các thực thể tư nhân (các doanh nghiệp hay công ty tư nhân), nên các thực thể tư nhân có quyền sở hữu tài nguyên ngoài vũ trụ và (ii) Công nhận quyền sở hữu tư nhân đối với nguồn tài nguyên được khai thác từ không gian vũ trụ không phải là tuyên bố chủ quyền với tài nguyên không gian vũ trụ. Với cách giải thích này, nội dung của Hiệp ước Artemis không được xem là vi phạm pháp luật quốc tế và quyền sở hữu tài nguyên được các thực thể tư nhân khai thác từ không gian vũ trụ vẫn được công nhận. Tuy nhiên, việc viện dẫn này được cho là vẫn chưa đủ sức thuyết phục, bởi các quốc gia thành viên Hiệp ước Artemis đã cố tình bỏ qua “nguyên tắc quyền tài phán của quốc gia” đối với cá nhân và pháp nhân mang quốc tịch của quốc gia đó. Về bản chất, các hoạt động khai thác và sở hữu nguồn tài nguyên vũ trụ dù được thực hiện bởi cá nhân hoặc doanh nghiệp tư nhân, phải nhận được sự đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của quốc gia mà cá nhân hoặc doanh nghiệp tư nhân mang quốc tịch. Điều đó có nghĩa quốc gia đang xác lập quyền và thực hiện quyền một cách gián tiếp vào hoạt động khai thác và sở hữu tài nguyên vũ trụ. Bên cạnh đó, cá nhân hoặc doanh nghiệp tư nhân khi tiến hành hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng và sở hữu tài nguyên vũ trụ cũng vì mục đích và lợi ích của quốc gia mà họ mang quốc tịch. Nhìn một cách tổng thể, dù lý giải theo phương diện nào thì nội dung xác lập quyền

sở hữu tài nguyên vũ trụ theo Hiệp ước Artemis vẫn vi phạm nguyên tắc của pháp luật quốc tế, cụ thể là vi phạm đối với nguyên tắc không chiếm đoạt.

“*Xung đột phát sinh lợi ích quốc gia dẫn đến sự phát triển độc lập trong các hoạt động vũ trụ*”: Trong các thập kỷ trước đây, việc thiết lập Trạm Vũ trụ quốc tế (*International Space Station - ISS*)<sup>49</sup> được xem là hoạt động hợp tác không gian vũ trụ thành công nhất giữa các quốc gia và đánh dấu thêm bước tiến lịch sử loài người trong ngành khoa học vũ trụ. Mâu thuẫn trong các vấn đề kinh tế, ngoại giao và kể cả chính trị giữa các quốc gia ngày càng mở rộng, lợi ích quốc gia bị tác động, dẫn đến hệ quả tất yếu các quốc gia hạn chế dần sự hợp tác và phụ thuộc lẫn nhau trong phần lớn các lĩnh vực bao gồm hoạt động thăm dò và khai thác tài nguyên vũ trụ. Thay vào đó, các quốc gia tập trung hơn vào các dự án một cách riêng lẻ cho các hoạt động thăm dò và khai thác tài nguyên hiện hữu trên Mặt Trăng và các thực thể khác ngoài vũ trụ thông qua các thực thể của quốc gia: Cơ quan Vũ trụ Trung Quốc (CNSA), Cơ quan Vũ trụ Liên bang Nga (Roscosmos), Cơ quan Vũ trụ Nhật Bản (JAXA), Tổ chức Nghiên cứu Vũ trụ Ấn Độ (ISRO), Cơ quan Vũ trụ Anh Quốc (UKSA), Cơ quan Quản lý Hàng không Vũ trụ Hàn Quốc (KASA)... các hoạt động sẽ được tiến hành độc lập trên cơ sở pháp luật quốc gia, trách nhiệm chia

<sup>49</sup> Trạm Vũ trụ Quốc tế dựa trên thỏa thuận liên Chính phủ được hợp tác hỗ trợ giữa NASA, Cơ quan Vũ trụ châu Âu (European Space Agency – ESA), Cơ quan Vũ trụ Canada, Cơ quan Vũ trụ Liên bang Nga Roscosmos và Cơ quan Vũ trụ Nhật Bản (JAXA).

sẽ lợi ích, trao đổi thông tin không còn bị ràng buộc.

*“Xung đột về nghĩa vụ và trách nhiệm quốc gia trong vấn đề bảo vệ môi trường không gian vũ trụ”*: Các hoạt động thăm dò và khai thác tài nguyên không gian vũ trụ đang tạo ra các tác động hiện hữu đối với môi trường không gian vũ trụ. Nguồn rác thải không gian được sinh ra từ việc phóng vệ tinh, vận chuyển vật liệu hỗ trợ hoạt động khai thác tài nguyên vũ trụ như mảnh vỡ từ tàu vũ trụ, vệ tinh và các công cụ khai thác tài nguyên bị bỏ lại. Rác thải không gian có thể di chuyển với tốc độ cao, gây nguy hiểm cho các vệ tinh và tàu vũ trụ khác đang hoạt động trong không gian vũ trụ<sup>50</sup>. Ngoài ra, quá trình sử dụng nhiên liệu và các hóa chất cần thiết để vận hành thiết bị khai thác tài nguyên vũ trụ có thể dẫn đến ô nhiễm hóa học ở các khu vực trong phạm vi khai thác. Những hệ quả này là cơ sở để đặt ra trách nhiệm và nghĩa vụ của các quốc gia trong việc bảo vệ môi trường không gian khi tiến hành hoạt động khai thác tài nguyên vũ trụ. Tuy nhiên, với thiết chế nằm trong các điều ước quốc tế hiện tại chưa đủ để ràng buộc trách nhiệm bảo vệ môi trường vũ trụ của các quốc gia, cụ thể: (i) Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 chỉ đề cập khái quát về việc tránh gây tổn hại nghiêm trọng trong không gian mà không có các quy định cụ thể về trách nhiệm bảo vệ môi trường không gian; (ii) Công ước Trách nhiệm năm 1972 quy định khi một quốc gia phóng tàu

vũ trụ phải chịu trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại do rác thải không gian của mình gây ra, nhưng quy định này chỉ áp dụng khi thiệt hại đã xảy ra, mà không đề cập cụ thể đến việc ngăn chặn hoặc loại bỏ rác thải không gian; (iii) Công ước Đăng ký năm 1975 yêu cầu các quốc gia phải đăng ký các vật thể được phóng vào không gian nhằm xác định chủ sở hữu của các vật thể. Đánh giá một cách tổng thể, các điều ước quốc tế hiện tại chỉ ghi nhận ở mức độ trách nhiệm và nghĩa vụ cơ bản của quốc gia thành viên, nhưng không đưa ra cơ chế bắt buộc các quốc gia phải thực thi. Thêm vào đó, nguồn kinh phí cho các hoạt động xử lý rác thải vũ trụ khá cao và thời gian xử lý kéo dài tác động đáng kể đến nhận thức ứng xử của quốc gia về trách nhiệm bảo vệ môi trường vũ trụ. Điều này tạo nên tiền lệ xấu trong luật quốc tế, có thể làm thay đổi hành vi ứng xử của quốc gia không có sự hiện diện đáng kể trong các hoạt động không gian hoặc quốc gia tôn trọng quy định của pháp luật quốc tế.

#### 4. Đề xuất và kiến nghị

*Thứ nhất, cần cụ thể hóa một số nội dung trong khuôn khổ pháp luật quốc tế điều chỉnh hoạt động khai thác và xác lập quyền sở hữu của quốc gia đối với nguồn tài nguyên vũ trụ*: Trên tinh thần của Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 và Hiệp ước Mặt Trăng năm 1979, các quốc gia cần đàm phán thỏa thuận để thiết lập văn kiện pháp lý thống nhất và điều chỉnh một cách chi tiết hoạt động khai thác, sử dụng và chiếm hữu tài nguyên vũ trụ cần, đặc biệt trong các vấn đề trọng tâm: (i) Trao quyền cụ thể cho quốc gia được khai thác, sử dụng và “sở hữu có giới hạn” nguồn tài nguyên vũ trụ, (ii) Giới hạn quyền tiến hành hoạt

<sup>50</sup> Yang Nan, *Phân tích trách nhiệm pháp lý đối với thiệt hại do các mảnh vụn ngoài không gian gây ra*, Đại học Dương Châu, 2023, tr.8-11. (Nguyên văn tên tiếng Trung: 杨楠."外层空间碎片致损的法律责任分析", 扬州大学, 2023, 页8-11.)

động khai thác của quốc gia trong những khu vực xác định và trong khoảng thời điểm nhất định và (iii) Quyền khai thác chỉ nên được áp dụng đối với một hoặc một số thực thể vũ trụ xác định để đảm bảo công bằng và lợi ích chung giữa các quốc gia. Ngoài ra, đối với quyền sở hữu và mua bán tài nguyên vũ trụ, cần xây dựng thiết chế kiểm soát và trung gian thực hiện giao dịch mua bán tài nguyên thông qua đại diện chung là tổ chức quốc tế được các quốc gia đồng thuận thành lập hoặc chấp nhận thẩm quyền.

*Thứ hai, tôn trọng các nguyên tắc của luật quốc tế và trách nhiệm quốc gia trong hoạt động khai thác tài nguyên vũ trụ:* Cần nhắc lại “nguyên tắc thiện chí thực thi các điều ước quốc tế” (nguyên tắc *pacta sunt servanda*), các quốc gia tham gia ký kết điều ước quốc tế có nghĩa vụ phải thực thi các điều ước đó một cách thiện chí. Nguyên tắc *pacta sunt servanda* đã tồn tại từ rất lâu trong luật quốc tế và là một trong các nguyên tắc cốt lõi cơ bản của luật về các điều ước quốc tế<sup>51</sup>. Một trong các nhân tố quan trọng để góp phần đảm bảo tính hiệu quả của các điều ước quốc tế là việc tuân thủ thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm quốc gia thành viên một cách thiện chí. Ngoài dựa trên tinh thần tự nguyện, khi xây dựng thiết chế quốc tế chung điều chỉnh hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên vũ trụ của quốc gia, cần thiết đưa ra các biện pháp chế tài cụ thể, khả thi và mang tính trừng phạt bất kỳ quốc gia thành viên nào, nếu quốc gia thành viên đó vi phạm nguyên tắc

chung của luật pháp quốc tế, không tôn trọng nghĩa vụ, trách nhiệm của quốc gia thành viên và đi ngược lại với lợi ích chung của nhân loại.

*Thứ ba, thiết lập và chấp nhận thẩm quyền chung của cơ quan quốc tế trung gian chịu trách nhiệm quản lý hoạt động đăng ký khai thác tài nguyên vũ trụ:* Để đảm bảo tính hiệu quả, phù hợp với luật pháp quốc tế và hạn chế xung đột lợi ích giữa các quốc gia, cần thiết có sự hợp tác giữa Chính phủ các quốc gia để thành lập một thực thể quốc tế chung chịu trách nhiệm giám sát, quản lý việc đăng ký hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên vũ trụ. Theo đó, đối với mỗi hoạt động thăm dò và khai thác được khởi xướng bởi bất kỳ quốc gia nào, cần phải đăng ký một số thông tin cơ bản cần thiết và được sự chấp thuận từ cơ quan quốc tế có thẩm quyền trước khi tiến hành liên quan đến: (i) Địa điểm của hoạt động trong không gian vũ trụ, (ii) Bản chất và mục đích của các hoạt động và (iii) Thời gian dự kiến bắt đầu và kết thúc của hoạt động. Và sự lựa chọn hoàn hảo được đề xuất dành cho các quốc gia là chấp thuận thẩm quyền trung gian của tổ chức quốc tế Liên hợp quốc.

*Thứ tư, sự hài hòa giữa quy định quốc gia, luật quốc tế và lợi ích của các quốc gia trong hoạt động khai thác và xác lập quyền sở hữu đối với tài nguyên vũ trụ:* Các quốc gia được phép khai thác, sở hữu hạn chế tài nguyên vũ trụ và có quyền ban hành luật quốc gia để tạo khung pháp lý làm cơ sở điều chỉnh, thực thi quyền cụ thể, nhưng cần đảm bảo sự phù hợp giữa luật quốc gia và các quy định cơ bản của luật quốc tế. Không trái với các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế được đề cập trong

<sup>51</sup> Xem thêm Điều 26 Công ước Viên về Luật điều ước quốc tế năm 1969: “Mỗi điều ước quốc tế đang có hiệu lực đều có giá trị ràng buộc các quốc gia thành viên của điều ước đó và phải được các quốc gia thực thi một cách thiện chí”.

Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967 và Hiệp ước Mặt Trăng năm 1979. Khi pháp luật quốc gia trái với các nguyên tắc của luật quốc tế đồng nghĩa đi ngược lại với lợi ích chung của phần còn lại của thế giới, trực tiếp hoặc gián tiếp xâm phạm đến quyền và lợi ích của các quốc gia khác.

*Thứ năm, trách nhiệm bảo vệ môi trường không gian vũ trụ khi tiến hành hoạt động thăm dò và khai thác tài nguyên vũ trụ:* Cần chú trọng đưa vào tiến trình đàm phán khi xây dựng thiết chế quốc tế chung liên quan đến trách nhiệm quốc gia về bảo vệ môi trường không gian. Cần cụ thể hóa trách nhiệm quốc gia trong vấn đề hợp tác hỗ trợ công nghệ và kỹ thuật vũ trụ để xử lý rác thải ngoài không gian nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường vũ trụ và ngăn chặn các mối đe dọa từ rác thải vũ trụ đến Trái Đất. Xây dựng các bộ tiêu chuẩn quốc tế về kỹ thuật môi trường cũng cần đặt ra và đưa vào các chương trình hợp tác quốc tế để áp dụng đối với các vật thể được sử dụng phục vụ cho hoạt động thăm dò và khai thác không gian từ giai đoạn thiết kế tạo lập, vận hành và thu hồi sau sử dụng.

*Thứ sáu, nghĩa vụ chia sẻ các giá trị lợi ích cốt lõi và thông tin từ hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên vũ trụ:* Khi xây dựng thiết chế pháp lý trong phạm vi quốc tế hay dưới góc độ quốc gia, các quốc gia cần chú trọng việc hợp tác quốc tế và khuyến khích việc chia sẻ các giá trị cốt lõi, lợi ích cơ bản và trao đổi thông tin khoa học là kết quả của quá trình nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên vũ trụ với các quốc gia khác. Điều này không phụ thuộc trình độ phát triển khoa học công nghệ hay sức mạnh của nền kinh tế của các quốc gia và đối lại đối với các quốc gia chấp nhận

chia sẻ thông tin sẽ nhận được các lợi ích đối ứng từ các quốc gia nhận trên cơ sở ngoại giao và đàm phán thỏa thuận.

## 5. Kết luận

Hiệp ước Không gian vũ trụ năm 1967, Hiệp ước Mặt Trăng năm 1979 và các điều ước quốc tế khác có liên quan cùng với phần lớn luật quốc gia cho phép các quốc gia được quyền khai thác và sử dụng sở hữu tài nguyên vũ trụ, nhưng không được phép tuyên bố chủ quyền và quyền sở hữu đối với vũ trụ, bao gồm cả Mặt Trăng và các thực thể vũ trụ khác. Sự phát triển của khoa học công nghệ và lợi ích quốc gia, một số quốc gia đã hoạch định chiến lược riêng nhằm tối ưu hóa quyền khai thác tài nguyên vũ trụ. Hoa Kỳ và nhiều quốc gia khác thông qua Hiệp ước Artemis năm 2020 để mở đường cho các thực thể tư nhân tham gia vào hoạt động khai thác và sở hữu tài nguyên vũ trụ, nhưng nội dung quy định có thể đi ngược lại nguyên tắc chung của luật quốc tế. Do đó, sự cần thiết có những bước tiến chung trong tiến trình lập pháp và hợp tác quốc tế trong việc xây dựng một khung pháp lý quốc tế chung thống nhất điều chỉnh hoạt động khai thác tài nguyên vũ trụ, cũng như trách nhiệm quốc gia trong vấn đề bảo vệ môi trường không gian vũ trụ. Mặt khác, trách nhiệm của quốc gia và tổ chức quốc tế trong vấn đề chia sẻ lợi ích và thành tựu khoa học trong việc thăm dò và khai thác tài nguyên vũ trụ cũng cần được xem trọng trong tiến trình đàm phán. Tất cả những vấn đề này đều nhằm hướng đến điều chỉnh cho hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên vũ trụ vì mục đích hòa bình, phù hợp với pháp luật quốc tế và hạn chế tối đa xung đột lợi ích giữa các quốc gia.